

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST

Ngày: 19 - 5 - 2022

V/v Yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức;

Yêu cầu hủy tuyên bố di chúc vô hiệu

và tranh chấp về di sản thừa kế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Thị Minh

Ông Lương Sĩ Tư Hoài.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “*Yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức; Yêu cầu hủy tuyên bố di chúc vô hiệu và tranh chấp về di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

**2. Bị đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số nhà M đường N, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số nhà S đường H, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số nhà HS đường A, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Bà Phan Thị T2, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số nhà N đường H, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu T3 (Nguyễn Thị Thu S), sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm S, thôn M, xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương

Địa chỉ trụ sở: Đường H, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Đức Đ – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Đình C – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đơn Dương. Theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2021.

3.6. Ủy ban nhân dân thị trấn T

Địa chỉ trụ sở: Đường H, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Công H – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Huyền T4 – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND. Theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021.

*(Bà L và ông T có mặt, các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:***

Khoảng năm 1950 cụ Trần Thị N là mẹ bà (sinh năm 1923, chết ngày 30/10/2017) chung sống với cụ Nguyễn Tấn Q (sinh năm 1921, chết ngày 16/5/2018) tại Quảng Ngãi và có 02 người con gồm: Phan Thị T1, sinh năm 1950; Phan Thị T2, sinh năm 1953. Đến năm 1954, cụ Q đi bộ đội tập kết ra Bắc nên cụ N đưa bà T2, bà T1 vào thị trấn T, huyện Đơn Dương sinh sống. Năm 1960, cụ N chung sống với cụ Trần L và sinh được 03 người con gồm: bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1963; ông Trần Văn T, sinh năm 1963; bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1965. Năm 1967, cụ Trần L chết. Đến năm 1982, cụ Nguyễn Tấn Q quay về chung sống với cụ N tại thị trấn T, huyện Đơn Dương. Ngoài ra, thì cụ N có 01 người con riêng tên Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1970. Tuy nhiên, cụ N đã cho em S làm con nuôi của dì ruột là Trần Thị H và em S đã đăng ký khai sinh thể hiện mẹ là Trần Thị H, cha là Nguyễn Hữu Lợi. Ngoài ra, cụ N, cụ Q, cụ L không có con nuôi, con riêng nào khác và không để lại nghĩa vụ về tài sản.

Khi còn sống cụ Trần L và cụ N có tạo lập được diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 08, thị trấn Thanh Mỹ và căn nhà tạm diện tích 87,3m<sup>2</sup>. Tuy

nhiên, khi đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) thì kê khai tên cụ N và cụ Q. Do đó, ngày 19/7/2005, UBND huyện Đơn Dương đã cấp GCNQSDĐ số AD 279019 mang tên bà Trần Thị N, ông Phan Tấn Q. Diện tích theo kết quả đo đạc thực tế ngày 18/01/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương thì có diện tích 134m<sup>2</sup> thuộc Thửa 480, tờ bản đồ 23 đo năm 2007, thị trấn Thạnh Mỹ (trong đó 95m<sup>2</sup> đất đã được cấp GCNQSDĐ, 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ đất và trên đất có căn nhà có diện tích 98m<sup>2</sup> (theo văn bản số 1034/UBND-TNMT ngày 07/7/2021 của UBND huyện Đơn Dương thì trong phần diện tích 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ thì có 24m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch đường giao thông, phần đất này không phù hợp với quy hoạch do đó không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại là 15m<sup>2</sup> ngoài quy hoạch đường giao thông có thể xem xét cấp GCNQSDĐ).

Ngày 07/5/2010, cụ Q và cụ N đã lập di chúc cho bà Trần Thị Kim A, ông Trần Văn T và bà diện tích nhà và đất nêu trên. Di chúc được UBND thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương chứng thực ngày 01/6/2010.

Sau khi cụ Trần L và cụ N chết do GCNQSDĐ cấp cho ông Phan Tấn Q và bà Trần Thị N nên bà L, bà A và ông T không thỏa thuận được về việc phân chia tài sản thừa kế của cha mẹ để lại nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 279019 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 19/7/2005.

2. Yêu cầu hủy bản di chúc do cụ N, cụ Q lập ngày 07/5/2010 đã được UBND thị trấn Thạnh Mỹ chứng thực.

3. Phân chia di sản thừa kế của cụ N và cụ L để lại theo quy định của pháp luật.

Đối với toàn bộ nhà và đất thì bà thống nhất theo kết quả định giá ngày 30/9/2021 thì giá trị nhà là 199.702.900 đồng, giá trị đất 95m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSDĐ + 15m<sup>2</sup> đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ x 15.000.000đồng/m<sup>2</sup> = 1.650.000.000 đồng, tổng giá trị là 1.849.702.900 đồng. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phần bà xin nhận bằng giá trị.

## **2. Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:**

Khoảng năm 1950 cụ Trần Thị N là mẹ ông (sinh năm 1923, chết ngày 30/10/2017) chung sống với cụ Nguyễn Tấn Q (sinh năm 1921, chết ngày 16/5/2018) tại Quảng Ngãi và có 02 người con gồm: Phan Thị T1, sinh năm 1950; Phan Thị T2, sinh năm 1953. Đến năm 1954, cụ Q đi bộ đội tập kết ra Bắc nên cụ N đưa bà T2, bà T1 vào thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương sinh sống. Năm 1960, cụ N chung sống với cụ Trần L và sinh được 03 người con gồm: bà Trần Thị

Kim A, sinh năm 1963; ông Trần Văn T, sinh năm 1963; bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1965. Năm 1967, cụ Trần L chết. Đến năm 1982, cụ Nguyễn Tấn Q quay về chung sống với cụ N tại thị trấn T, huyện Đơn Dương. Ngoài ra, thì cụ N có 01 người con riêng tên Nguyễn Thị Thu S (T3), sinh năm 1970. Tuy nhiên, cụ N đã cho em S làm con nuôi của dì ruột là Trần Thị H và em S đã đăng ký khai sinh thể hiện mẹ là Trần Thị H, cha là Nguyễn Hữu Lợi. Ngoài ra, cụ N, cụ Q, cụ L không có con nuôi, con riêng nào khác và không để lại nghĩa vụ về tài sản.

Khi còn sống cụ Trần L và cụ N có tạo lập được diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa số 59, tờ bản đồ số 08, thị trấn Thạnh Mỹ và căn nhà tạm diện tích 87,3m<sup>2</sup>. Tuy nhiên năm 2005, khi lập thủ tục xin cấp GCNQSDĐ mặc dù công sức tạo dựng nhà và đất nêu trên là của cha ruột ông (cụ Trần L) nhưng gia đình thống nhất để tên cha dưỡng là Nguyễn Tấn Q và mẹ là cụ Trần Thị N đứng tên nên UBND huyện Đơn Dương đã cấp GCNQSDĐ số AD 279019 cấp ngày 19/7/2005 mang tên bà Trần Thị N, ông Phan Tấn Q, diện tích 95m<sup>2</sup> đất ở đô thị, thuộc Thửa số 59, tờ bản đồ số 08 và căn nhà tạm diện tích 87,3m<sup>2</sup>. Diện tích theo kết quả đo đạc thực tế ngày 18/01/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương thì có diện tích 134m<sup>2</sup> thuộc Thửa 480, tờ bản đồ 23 đo năm 2007, thị trấn Thạnh Mỹ (trong đó 95m<sup>2</sup> đất đã được cấp GCNQSDĐ, 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ đất và trên đất có căn nhà có diện tích 98m<sup>2</sup> (theo văn bản số 1034/UBND-TNMT ngày 07/7/2021 của UBND huyện Đơn Dương thì trong phần diện tích 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ thì có 24m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch đường giao thông, phần đất này không phù hợp với quy hoạch do đó không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại là 15m<sup>2</sup> ngoài quy hoạch đường giao thông có thể xem xét cấp GCNQSDĐ).

Năm 2010, cụ N phá dỡ căn nhà cũ đã S nhượng của ông Dương Tám và xây dựng căn nhà cấp 4 tường xây, mái lợp tôn, nền gạch men, diện tích khoảng 95m<sup>2</sup> trên Thửa 59, tờ bản đồ số 08.

Năm 2013, vì mẹ ông sức yếu, hơn nữa ông là con trai duy nhất nên các chị, em trong gia đình yêu cầu ông phải về ở trên căn nhà này để chăm sóc cho mẹ cho đến khi mẹ ông qua đời và hiện nay ông vẫn đang ở tại căn nhà này. Từ khi về ở chăm sóc mẹ từ năm 2013 cho đến nay ông có che mái tôn trụ sắt bên hông nhà diện tích 3m x 5m với số tiền khoảng 4.000.000đ; sửa nhà vệ sinh khoảng 2.000.000đ và ông không có yêu cầu thanh toán đối với khoản tiền sửa chữa vì sửa chữa không lớn và mục đích là phục vụ sinh hoạt cho gia đình ông.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông không đồng ý phân chia di sản vì đây là tài sản của cha mẹ để lại làm nhà từ đường của dòng họ.

Trong vụ án này ông được bà Nguyễn Thị Thu S (T3) ủy quyền cho ông được được nhận, toàn quyền sử dụng và định đoạt phần di sản mà bà T3 được hưởng theo quy định của pháp luật thì ông nhận phần di sản thừa kế mà bà S được nhận theo quy định của pháp luật.

Đối với toàn bộ nhà và đất thì ông thống nhất theo kết quả định giá ngày 30/9/2021 thì giá trị nhà là 199.702.900 đồng, giá trị đất 95m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSDĐ + 15m<sup>2</sup> đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ x 15.000.000đồng/m<sup>2</sup> = 1.650.000.000 đồng, tổng giá trị là 1.849.702.900 đồng.

### ***3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

#### ***3.1. Bà Trần Thị Kim A trình bày:***

Về hàng thừa kế, di sản thừa kế thì bà thống nhất với lời trình bày của bà L và ông T. Qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì ngày 21/02/2022 bà có đơn yêu cầu chia tài sản theo thừa kế và nguyện vọng của bà được nhận bằng giá trị, đến này 08/4/2022 bà có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập và đối với phần di sản bà được nhận thì bà giao cho ông T và bà L được nhận. Do nhà ở xa, sức khỏe yếu và bà đã làm đơn xin được hòa giải, xét xử vắng mặt tại tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

#### ***3.2. Bà Phan Thị T2 trình bày:***

Về hàng thừa kế, di sản thừa kế thì bà thống nhất với lời trình bày của bà L và ông T. Qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì nguyện vọng của bà là theo di chúc, Thừa đất số 59 tờ bản đồ số 8 và căn nhà trên đất được chia đều cho 3 người con gồm bà Trần Thị Kim A, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim L thì nay bà đề ký phần thừa kế bà được hưởng trong vụ án này cho bà A, ông T, bà L. Bà không có tranh chấp gì trong vụ án này và có đơn xin được hòa giải, xét xử vắng mặt.

#### ***3.3. Bà Phan Thị T1 trình bày:***

Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ huyết thống. Bà xác nhận cha đẻ là ông Trần L đã chết vào năm 1967, do chết đã lâu (ở chế độ cũ) nên gia đình cũng không đăng ký khai tử. Ngoài ra, bà xác nhận mẹ bà có một người con riêng là Nguyễn Thị Thu S với ông Nguyễn Văn Vịnh, giữa mẹ bà với ông Vịnh thì không phải là vợ chồng, vì khi đó ông Vịnh đã có vợ con. Mẹ bà có cho Nguyễn Thị Thu S làm con nuôi của người dì Trần Thị H và đã đăng ký khai sinh cho em S có tên mẹ Trần Thị H, cha Nguyễn Hữu Lợi. Bà cũng xác nhận cha bà ông Nguyễn Tấn Q thì còn có tên Phan Tấn Q. Bà cũng xác nhận nguồn gốc nhà đất tại Thửa 59, tờ bản đồ số 8, Thạnh Mỹ là của mẹ bà và cha đẻ Trần L nhưng khi đi làm sổ đỏ thì kê khai tên Phan Tấn Q. Năm 2010, mẹ bà phá dỡ căn nhà gỗ và xây dựng căn nhà cấp 4 như hiện nay. Bà cũng xác nhận năm 2010, bà Trần Thị

N, ông Nguyễn Tấn Q lập di chúc để lại tài sản là nhà và đất nêu trên cho bà Trần Thị Kim A, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim L nay bà đã có gia đình nên bà để kỷ phần thừa kế bà được hưởng cho bà A, ông T, bà L. Bà không có tranh chấp gì trong vụ án này và có đơn xin được hòa giải, xét xử vắng mặt.

#### ***3.4. Bà Nguyễn Thị Thu S (T3) trình bày:***

Năm 1950 bà N chung sống với ông Q có 02 người con là Phan Thị T1, Phan Thị T2. Năm 1963 bà N chung sống với ông Trần L có 3 người con Trần Thị Kim A, Trần Văn T và Trần Thị Kim L. Sau đó bà N chung sống với ông Nguyễn Văn Vịnh và sinh được bà. Tuy bà N đã cho bà làm con nuôi của bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hữu Lợi. Ông Vịnh chết năm 1987, năm 1989 ông Q trở về chung sống với bà N tại Thanh Mỹ cho đến khi qua đời. Lời trình bày của ông T là đúng. Nay bà L khởi kiện thì bà không có ý kiến gì, bà đã uỷ quyền cho ông T được thay mặt bà toàn quyền sử dụng nhận và định đoạt phần di sản bà được hưởng và không khiếu nại thắc mắc gì về sau và có đơn xin được hòa giải, xét xử vắng mặt.

#### ***3.5. Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương trình bày:***

Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 279019 cho bà Trần Thị N và ông Phan Tấn Q là theo đơn đăng ký của bà Trần Thị N đã thực hiện theo quy định của Nghị định số 60/ NĐ - CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về cấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại đô thị.

Việc nguyên đơn là bà Trần Thị L đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 279019 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 19 tháng 7 năm 2005 mang tên ông Phan Tấn Q và bà Trần Thị N, đề nghị Tòa án nhân dân huyện giải quyết theo quy định của pháp luật.

#### ***3.6. Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương trình bày:***

Ngày 20/10/2020, bà Trần Thị Kim L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc là diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa 59, TĐĐ số 08 đo đạc năm 1993, thị trấn Thanh Mỹ và căn nhà trên theo Giấy chứng nhận QSD đất số AD 279019 do UB huyện Đơn Dương cấp cho ông Phan Tấn Q, bà Trần Thị N. Di chúc do UBND thị trấn Thanh Mỹ chứng thực ngày 01/6/2010. Đến ngày 04/3/2021, bà L thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 134m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa 59 TĐĐ số 23 đo đạc năm 2007 (diện tích 39m<sup>2</sup> tăng thêm chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất do thay đổi lộ giới) và căn nhà trên đất. Bị đơn ông Trần Văn T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện thừa kế của bà L vì muốn giữ nhà và đất làm nhà từ đường. Mặt khác, ông T cho rằng mẹ ông là bà Trần Thị N là người không biết chữ mà chỉ điểm chỉ, khi chứng thực di chúc tại UBND thị trấn Thanh Mỹ ngày 01/6/2010 thì không có mặt bà N và ông Q, chữ ký “Q” trong bản

di chúc không phải do ông Q ký. Do mẹ ông không biết chữ nhưng khi chứng thực di chúc không có người làm chứng nên trình tự, thủ tục chứng thực di chúc của UBND thị trấn Thanh Mỹ là không đúng quy định của pháp luật nên ông yêu cầu hủy di chúc lập ngày 07/5/2010.

UBND thị trấn Thanh Mỹ không thống nhất yêu cầu hủy di chúc do bà Trần Thị N, ông Nguyễn Tấn Q lập ngày 07/5/2010, UBND thị trấn Thanh Mỹ chứng thực ngày 01/6/2010 vì những lý do như sau:

UBND thị trấn Thanh Mỹ đã làm đúng theo quy định của pháp luật tại Khoản 1 Điều 652 và Điều 663 Bộ Luật dân sự 2005 về di chúc chung của vợ, chồng. Thời điểm ông Q, bà N đến yêu cầu UBND thị trấn chứng thực di chúc thì ông Q và bà N vẫn còn minh mẫn, sáng suốt; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc được lập thành văn bản đúng theo quy định của pháp luật nên UBND thị trấn đã chứng thực di chúc của ông Q, bà N.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất được với nhau về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ L và cụ N để lại và thỏa thuận giao cho ông T được nhận toàn bộ di sản bằng hiện vật và ông T có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho bà L với số tiền 650.000.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 279019 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 19/7/2005.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu tuyên bố di chúc do cụ N, cụ Q lập ngày 07/5/2010 đã được UBND thị trấn Thanh Mỹ chứng thực là vô hiệu.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc phân chia di sản thừa kế của cụ N và cụ L theo quy định của pháp luật.

- Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự: Giao cho ông T được nhận toàn bộ di sản bằng hiện vật và ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền 650.000.000 đồng (giá trị phần thừa kế theo sự thỏa thuận của các đương sự).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; các quy định của pháp luật; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Vào ngày 09/01/2010 nguyên đơn bà Trần Thị Kim L có phiếu yêu cầu Luật sư Trần Quang C – Văn phòng luật sư Hồng Phước – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đến ngày 08/4/2022 bà L từ chối Luật sư Trần Quang C bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Việc từ chối Luật sư của bà L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Kim A, bà Phan Thị T1, bà Phan Thị T2, bà Trần Thị Thu S, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Mỹ và người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

#### **[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:**

Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Trần Thị Kim L cho rằng khi còn sống cha bà là cụ Trần L và mẹ bà là cụ Trần Thị N có tạo lập được diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa số 59, tờ bản đồ số 08, (thuộc Thửa 480, tờ bản đồ 23 mới, đo năm 2007), thị trấn Thanh Mỹ và căn nhà tạm diện tích 87,3m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, khi đi đăng ký kê khai để được cấp GCNQSDĐ thì kê khai tên cụ N và cụ Q. Đến ngày 19/7/2005, UBND huyện Đơn Dương đã cấp GCNQSDĐ số AD 279019 mang tên bà Trần Thị N, ông Phan Tấn Q.

Ngày 07/5/2010, cụ Q và cụ N đã lập di chúc cho bà Trần Thị Kim A, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim L diện tích nhà và đất nêu trên. Di chúc được UBND thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương chứng thực ngày 01/6/2010.

Sau khi cụ Trần L và cụ N chết do GCNQSDĐ cấp cho ông Phan Tấn Q, bà Trần Thị N và ông Trần Văn T không đồng ý phân chia di sản thừa kế nên phát sinh tranh chấp và bà L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 279019 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 19/7/2005.



2. Yêu cầu hủy bản di chúc do cụ N, cụ Q lập ngày 07/5/2010 đã được UBND thị trấn Thạnh Mỹ chứng thực.

3. Phân chia di sản thừa kế của cụ N và cụ L để lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 234, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 5, 11 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức; Yêu cầu hủy tuyên bố di chúc vô hiệu và tranh chấp về di sản thừa kế*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và qua xem xét các tài liệu, chứng cứ thì thấy rằng:**

**[3.1] Đối với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 279019 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 19/7/2005:**

Các đương sự trong vụ án đều thống nhất với nhau về nguồn gốc diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa số 59, tờ bản đồ số 08, (thuộc Thửa 480, tờ bản đồ 23 mới, đo năm 2007), thị trấn Thạnh Mỹ là do cụ L và cụ N nhận chuyển nhượng diện tích 10m x 10m từ vợ chồng cụ Dương Tám và cụ Phan Thị Năm vào năm 1964 (Bút lục 34), sau khi cụ L chết đến ngày 17/8/1972 cụ N tiếp tục nhận chuyển nhượng phần đất liền phía sau đuôi nhà có diện tích 10m x 6m của vợ chồng cụ Huỳnh Nghệ và cụ Nguyễn Thị Lâm (Bút lục 33). Năm 1982 cụ Q trở về chung sống với cụ N và tiếp tục sử dụng diện tích đất trên đến năm 2005 cụ Q đi đăng ký kê khai để được cấp GCNQSDĐ. Đến ngày 19/7/2005, UBND huyện Đơn Dương đã cấp GCNQSDĐ số AD 279019 mang tên bà Trần Thị N, ông Phan Tấn Q với diện tích được cấp là 95m<sup>2</sup>.

Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 18/01/2021 của Chi nhA văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương thì có diện tích 134m<sup>2</sup> thuộc Thửa 480, tờ bản đồ 23 đo năm 2007, thị trấn Thạnh Mỹ (trong đó 95m<sup>2</sup> đất đã được cấp GCNQSDĐ, 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ đất và trên đất có căn nhà có diện tích 98m<sup>2</sup> (theo văn bản số 1034/UBND-TNMT ngày 07/7/2021 của UBND huyện Đơn Dương thì trong phần diện tích 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ có 24m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch đường giao thông, phần đất này không phù hợp với quy hoạch do đó không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại là 15m<sup>2</sup> ngoài quy hoạch đường giao thông có thể xem xét cấp GCNQSDĐ).

Xét về nguồn gốc diện tích đất trên là do cụ L và cụ N tạo lập từ trước, khi về chung sống với cụ N thì cụ Q mới đi đăng ký kê khai và được cấp GCNQSDĐ. Việc cụ Q kê khai để được cấp GCNQSDĐ là không đúng quy định của pháp luật

về nguồn gốc và chủ sử dụng. Nên có căn cứ để hủy GCNQSDĐ số AD 279019 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 19/7/2005.

**[3.2] Đối với yêu cầu hủy bản di chúc do cụ N, cụ Q lập ngày 07/5/2010 đã được UBND thị trấn Thanh Mỹ chứng thực thì thấy rằng:**

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận cụ N không biết đọc và không biết viết nhưng không thể hiện ai là người lập bản di chúc và bản di chúc không có người làm chứng để xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc là không tuân thủ theo quy định tại khoản 3, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005 “*Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực*” và Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005 “*Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc*”.

Hơn nữa, theo quy định tại khoản 2 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải tuân theo thủ tục sau đây: “*Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng*”.

Nhưng bản di chúc của cụ N và cụ Q lập ngày 07/5/2010 nhưng đến ngày 01/6/2010 bản di chúc mới được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Mỹ. Như vậy, bản di chúc trên đã vi phạm quy định của pháp luật về hình thức của di chúc bằng văn bản có người làm chứng.

Do đó, có căn cứ để hủy bản di chúc của cụ N và cụ Q lập ngày 07/5/2010 đã được UBND thị trấn Thanh Mỹ chứng thực.

**[3.3] Đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ N và cụ L để lại theo quy định của pháp luật:**

**[3.3.1] Về hàng thừa kế:** Tất cả các đương sự trong vụ án đều thừa nhận: Khoản năm 1950 cụ Trần Thị N chung sống với cụ Nguyễn Tấn Q tại Quảng Ngãi và có 02 người con gồm: Phan Thị T1, sinh năm 1950; Phan Thị T2, sinh năm 1953.

Năm 1960 cụ N chung sống với cụ Trần L và có 03 người con gồm: bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1963; ông Trần Văn T, sinh năm 1963; bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1965.

Sau khi cụ L chết, năm 1967 cụ N chung sống với cụ Nguyễn Văn V và có 01 người con tên Nguyễn Thị Thu S (T3) nhưng đã cho làm con nuôi của dì ruột là bà Trần Thị H và em S đã đăng ký khai sinh thể hiện mẹ là Trần Thị H, cha là Nguyễn Hữu L. Xét về hàng thừa kế thì bà S không còn thuộc hàng thừa kế được hưởng di sản do cụ N để lại.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản do cụ N để lại gồm: bà Phan Thị T1, bà Phan Thị T2, bà Trần Thị Kim A, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim L.

Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản do cụ L để lại gồm: bà Trần Thị Kim A, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim L.

Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà T2, bà T1 và bà A đã có văn bản từ chối nhận phần di sản thừa kế mà có bà được hưởng theo quy định của pháp luật. Việc từ chối nhận di sản của bà T2, bà T1 và bà A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Do bản di chúc của cụ N và cụ Q lập ngày 07/5/2010 bị vô hiệu nên di sản của cụ N và cụ Q được phân chia theo quy định của pháp luật.

[3.3.2] **Về di sản thừa kế:** Là diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa số 59, tờ bản đồ số 08 (nay là Thửa 480, tờ bản đồ 23), thị trấn Thanh Mỹ. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 18/01/2021 của Chi nhA văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương thì có diện tích 134m<sup>2</sup> thuộc Thửa 480, tờ bản đồ 23 đo năm 2007, thị trấn Thanh Mỹ (trong đó 95m<sup>2</sup> đất đã được cấp GCNQSDĐ, 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ đất và trên đất có căn nhà có diện tích 98m<sup>2</sup> (theo văn bản số 1034/UBND-TNMT ngày 07/7/2021 của UBND huyện Đơn Dương thì trong phần diện tích 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ có 24m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch đường giao thông, phần đất này không phù hợp với quy hoạch do đó không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại là 15m<sup>2</sup> ngoài quy hoạch đường giao thông có thể xem xét cấp GCNQSDĐ).

Như vậy, di sản gồm 95m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ đã được cấp và 15m<sup>2</sup> không nằm trong quy hoạch. Theo kết quả định giá ngày 30/9/2021 do Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thành lập thì giá trị nhà là 199.702.900 đồng, giá trị đất 95m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSDĐ + 15m<sup>2</sup> đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ x 15.000.000đồng/m<sup>2</sup> = 1.650.000.000 đồng, tổng giá trị là 1.849.702.900 đồng.

Các đương sự trong vụ án đều thống nhất với kết quả định giá ngày 30/9/2021 và đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả trên để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả thẩm định giá ngày 30/9/2021 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trong quá trình quản lý di sản thì ông T có sửa chữa một số hạng mục nhưng ông T không có yêu cầu nên không đặt ra để xem xét và tại phiên tòa hôm nay bà L và ông T thỏa thuận được với nhau cụ thể như sau:

Bà L đồng ý giao toàn bộ di sản bằng hiện vật là nhà và đất (gồm 95m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ đã được cấp và 15m<sup>2</sup> không nằm trong quy hoạch có thể xem xét cấp GCNQSDĐ) cho ông T quản lý, sử dụng và ông T đồng ý thanh toán cho bà L giá trị phần di sản bà L được hưởng với số tiền 650.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận giữa bà L và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] **Về chi phí tố tụng:** Bà L tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 3.555.000 đồng (Số tiền này bà L đã nộp đủ và được Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thu và đã quyết toán xong).

[5] **Về án phí:** Bà L và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với phần giá trị di sản được nhận, cụ thể bà L được nhận 650.000.000 đồng = 20.000. 000 đồng + 4% x 250.000.000 đồng = 30.000.000 đồng; phần ông T được nhận là 1.199.702.900 đồng = 36.000.000 đồng + 3% x 399.702.900 đồng= 47.991.087 đồng, (làm tròn 47.991.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 5, 11 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37; các Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 652, 653, 654, 655, 656, 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ 234, khoản 2 Điều 357, Điều 609, 610, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2òng vụ Q hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim L về việc kiện: “*Yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức; Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và tranh chấp về di sản thừa kế*” đối với bị đơn ông Trần Văn T.

Tuyên xử:

1. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 279019 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 19/7/2005 cho ông Phan Tấn Q, bà Trần Thị N đối với diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa số 59, tờ bản đồ số 08 (nay là Thửa 480, tờ bản đồ 23), thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương.

2. Tuyên bố di chúc do cụ N, cụ Q lập ngày 07/5/2010 đã được UBND thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương chứng thực là vô hiệu.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc phân chia di sản thừa kế của cụ N và cụ L theo quy định của pháp luật.

3.1. Về hàng thừa kế:

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị N gồm: bà Phan Thị T1, bà Phan Thị T2, bà Trần Thị Kim A, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim L.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần L gồm: bà Trần Thị Kim A, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim L.

3.2. Về di sản thừa kế:

Xác định diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa số 59, tờ bản đồ số 08, (nay là Thửa 480, tờ bản đồ 23), thị trấn Thanh Mỹ. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 18/01/2021 của Chi nhA văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương thì có diện tích 134m<sup>2</sup>, trong đó 95m<sup>2</sup> đất đã được cấp GCNQSDĐ, 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ đất (theo văn bản số 1034/UBND-TNMT ngày 07/7/2021 của UBND huyện Đơn Dương thì trong phần diện tích 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ có 24m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch đường giao thông, phần đất này không phù hợp với quy hoạch do đó không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại là 15m<sup>2</sup> ngoài quy hoạch đường giao thông có thể xem xét cấp GCNQSDĐ) và trên đất có căn nhà có diện tích 98m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của cụ Trần L và cụ Trần Thị N để lại.

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

4.1. Giao cho ông Trần Văn T được quyền sử dụng và đứng tên diện tích 95m<sup>2</sup> đất thuộc Thửa số 59, tờ bản đồ số 08, (nay là Thửa 480, tờ bản đồ 23), thị trấn Thanh Mỹ. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 18/01/2021 của Chi nhA văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương thì có diện tích 134m<sup>2</sup> thuộc Thửa 480, tờ bản đồ 23 đo năm 2007, thị trấn Thanh Mỹ (trong đó 95m<sup>2</sup> đất đã được cấp GCNQSDĐ, 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ đất và trên đất có căn nhà có diện tích 98m<sup>2</sup> (theo văn bản số 1034/UBND-TNMT ngày 07/7/2021 của UBND huyện Đơn Dương thì trong phần diện tích 39m<sup>2</sup> chưa được cấp GCNQSDĐ có 24m<sup>2</sup> đất nằm trong quy hoạch đường giao thông, phần đất này không phù hợp với quy hoạch do đó không

đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại là 15m<sup>2</sup> nằm ngoài quy hoạch đường giao thông có thể xem xét cấp GCNQSDĐ).

(Có họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 18/01/2021 của Chi nhA Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương kèm theo bản án).

4.2. Buộc ông Trần Văn T phải thanh toán cho bà Trần Thị Kim L giá trị phần thừa kế khi phân chia di sản với số tiền 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Ông Trần Văn T được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với tài sản vừa nêu sau khi ông T thanh toán xong số tiền giá trị phần thừa kế cho bà Trần Thị Kim L.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Lim L tự nguyện nhận chịu số tiền 3.555.000 đồng (*Ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), số tiền này bà L đã nộp đủ và đã quyết toán xong.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 144; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

6.1. Buộc bà Trần Thị Kim L phải chịu 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.166.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002721 ngày 13/11/2020 và số tiền 500.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002863 ngày 05/3/2021 và số tiền 600.000 đồng L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006625 ngày 24/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, còn lại bà L phải nộp tiếp số tiền 24.734.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

6.2. Buộc ông Trần Văn T phải chịu 47.991.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**8. Về quyền kháng cáo:**

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP Hồ Chí Minh (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (08);
- CTHADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Thanh**